ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước công trình trạm bơm T1 và trạm bơm Cao Lộc tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 17/TTr-STNMT ngày 09/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn *(Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).*

1. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 33/GP-UBND ngày 31/12/2019 do UBND tỉnh cấp với thời hạn 05 năm, như sau:

a) Công trình khai thác, sử dụng nước: Trạm bơm T1 và trạm bơm Cao Lộc tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

b) Mục đích sử dụng nước của công trình: Sản xuất và phân phối nước sạch. Trong đó:

- Cấp nước cho sinh hoạt: 1.222,63 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho hành chính sự nghiệp: 146,67 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất: 66,6 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho kinh doanh, dịch vụ: 43,81 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất nước lọc đóng bình, đóng chai: 0,3 m^3/ngày đêm.

c) Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:

- Cấp nước cho hành chính sự nghiệp (Khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp): 146,67 m^3/ngày đêm.

- Cấp nước cho sản xuất (Khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ): 66,6 m^3/ngày đêm.

- Cấp nước cho kinh doanh, dịch vụ (Khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ): 43,81 m^3/ngày đêm.

- Cấp nước cho sản xuất nước lọc đóng bình, đóng chai: 0,3 m^3/ngày đêm.

d) Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho mục đích sử dụng

- Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh nước sạch: 7.000 đồng/m^3.

- Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp: 100.000 đồng/m^3.

đ) Số tiền phải nộp: 206.733.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).*

2. Truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do sản lượng khai thác cao hơn so với Giấy phép số 55/GP-UBND ngày 13/11/2014 theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ (thời gian từ ngày 01/9/2017 đến ngày 13/11/2019) như sau

a) Năm 2017 sản lượng khai thác cao hơn so với giấy phép đã được cấp 514 m^3/ngày đêm

- Cấp nước cho sinh hoạt: 424,6 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho hành chính sự nghiệp: 50,94 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất: 23,13 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho kinh doanh, dịch vụ: 15,21 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất nước lọc đóng bình, đóng chai: 0,1 m^3/ngày đêm.

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước truy thu: 2.398.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

b) Năm 2018 sản lượng khai thác cao hơn so với giấy phép đã được cấp 211,88 m^3/ngày đêm.

- Cấp nước cho sinh hoạt: 175,04 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho hành chính sự nghiệp: 21 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất: 9,53 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho kinh doanh, dịch vụ: 6,27 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất nước lọc đóng bình, đóng chai: 0,04 m^3/ngày đêm.

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước truy thu: 2.956.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).*

c) Năm 2019 sản lượng khai thác cao hơn so với giấy phép đã được cấp (tính đến ngày 13/11/2019): 288,79 m^3/ngày đêm.

- Cấp nước cho sinh hoạt: 238,57 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho hành chính sự nghiệp: 28,62 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất: 13 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho kinh doanh, dịch vụ: 8,55 m^3/ngày đêm;

- Cấp nước cho sản xuất nước lọc đóng bình, đóng chai: 0,06 m^3/ngày đêm.

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước truy thu: 3.504.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng).*

d) Tổng Số tiền truy thu $T = T_{năm\ 2017} + T_{năm\ 2018} + T_{năm\ 2019}$ = 2.398.000 + 2.956.000 + 3.504.000 = 8.858.000 đồng.

3. Tổng số tiền phải nộp

$T = T_{theo\ Giấy\ phép} + T_{Truy\ thu}$ = 206.733.000 + 8.858.000 = 215.591.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng).*

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (số tiền truy thu từ năm 2017 đến ngày 13/11/2019; số tiền các tháng còn lại của năm 2019 và năm 2020 theo hồ sơ đề nghị cấp phép): 32.241.000 đồng.

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo (từ năm 2021 đến 2028): 20.668.000 đồng.

- Số tiền phải nộp năm cuối (năm 2029): 18.006.000 đồng.

4. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm.

- Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cơ quan Thuế, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (số tiền truy thu, số tiền các tháng còn lại của năm 2019 và năm 2020 theo hồ sơ đề nghị cấp phép).

- Số tiền nộp hàng năm, thời gian nộp chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm.

5. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của cơ quan Thuế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Cơ quan Thuế có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ. Đồng thời, chịu trách nhiệm

trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ thì Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn phải lập hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03b);
- PCVP UBND tỉnh,
các phòng: KTN, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN (NNT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 16/01/2020 16:13:41

Hồ Tiến Thiệu